TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 746/2019/QĐST- VHNGĐ	*Dĩ An, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1004/2019/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1983; thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 63, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2/ Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1985; thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 63, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 11 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị N thuận tình ly hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01 ngày 04/11/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa cấp).

- Về con chung: Anh Vũ Văn Đ đồng ý giao con chung tên Vũ Thị Yến N, sinh ngày 12/3/2006 và Vũ Trịnh Bảo N, sinh ngày 07/6/2013 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000

(ba triệu) đồng (mỗi cháu 1.500.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029394 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Liễng